TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 428/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/5/2025
V/v " Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1/ Ông Bùi Hữu Phước.

2/ Ông Nguyễn Bảo Lâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình – Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 972/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 148/2025/QĐST – HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị Hà T, sinh năm 1976;

Thường trú: 503/5/10 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 571/6 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Trọng T1, sinh năm 1969;

Thường trú: 503/5/10 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Tạm trú: 571/6 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn- bà Trịnh Thị Hà T trình bày: Bà và ông Vũ Trọng T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2001 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã Y, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2001.

Vợ chồng chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T1 không chăm lo gì cho gia đình, một mình bà phải tự nuôi con. Các đây khoảng 5, 6 năm bà và ông T1 đã sống ly thân, cơm ai nấy ăn, việc ai nấy làm. Bà đã có gắng hàn gắn tình cảm gia đình vì sợ ảnh hưởng đến tâm lý con cái nhưng không thể chịu đựng được nữa. Nay cảm thấy vợ chồng không còn tình cảm, trách nhiệm với nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Trọng T1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Ngọc Phương U, sinh ngày 10/11/2001 và Vũ Thị Vân A, sinh ngày 21/01/2008. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Vân A và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi trẻ Vân A. Con chung Phương U đã thành niên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến về các yêu cầu đã trình bày.

Bị đơn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc chấp hành pháp luật Hội đồng xét xử là đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Xét thấy các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Trịnh Thị Hà T có đơn yêu cầu ly hôn ông Vũ Trọng T1. Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do ông Vũ Trọng T1 cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[1.3] Về tư cách tố tụng: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn bà Trịnh Thị Hà T, bị đơn ông Vũ Trọng T1.

[1.4] Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015:

Xét trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa để trình bày ý kiến, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét nguyên đơn có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, thể hiện bà T và ông T1 chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Nam Định theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/3/2001 nên công nhận hôn nhân giữa bà T và ông Thế L hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Quá trình chung sống, ông bà đã sống ly thân 5,6 năm nay, trong thời gian ly thân, hai vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không cùng nhau xây dựng gia đình, không tìm cách đoàn tụ nối lại tình cảm. Từ khi nguyên đơn nộp đơn ly hôn đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt để bị đơn trình bày ý kiến cũng như hòa giải nhưng bị đơn luôn vắng mặt thể hiện bị đơn không tôn trọng pháp luật và không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì tình nghĩa vợ chồng là sự thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nguyên đơn cương quyết ly hôn thể hiện nguyên đơn không còn yêu thương, không muốn tiếp tục chung sống với bị đơn. Do đó, xét thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu về con chung: Nguyên đơn khai có 02 con chung tên Vũ Ngọc Phương U, sinh ngày 10/11/2001 và Vũ Thị Vân A, sinh ngày 21/01/2008. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vân A. Con chung Phương U đã thành niên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận định: Do các con chung hiện nay đang sống chung với nguyên đơn, bị đơn đi làm, không ở nhà thường xuyên, không quan tâm chăm sóc con chung, trong thời gian sống ly thân, bà T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, lo tiền học cho các con, đồng thời theo nguyện vọng của trẻ Vân A có nguyện vọng ở với mẹ do đó xét thấy yêu cầu nuôi con chung Vân Anh của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận. Con chung Phương U đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho bị đơn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn khai không có nên hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; căn cứ điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí (Ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016);

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân bà Trịnh Thị Thanh H được ly hôn ông Vũ Trọng T1.

Về quan hệ con chung: Giao con chung Vũ Thị Vân A, sinh ngày 21/01/2008 cho bà Trịnh Thị Thanh H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Vũ Trọng T1 do bà T không yêu cầu. Con chung Vũ Ngọc Phương U, sinh năm 2001 đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trịnh Thị Hà T nộp, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003037 ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thành tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình ;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Lưu VP, hồ sơ.

Nguyễn Thị Hải Sâm